Chi tiết mã HS 2104.20.19

Mã HS	2104.20.19
Mô tả hàng hóa	Súp và nước xuýt (broths) và chế phẩm để làm súp và nước xuýt; chế phẩm thực phẩm tổng hợp đồng nhất / - Chế phẩm thực phẩm tổng hợp đồng nhất: / - - Chứa thịt: / - - - Loại khác
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	08/11/2026 11:19:07
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/21042019/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	60	60%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K2678
Thuế NK ưu đãi (MFN)	40	40%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N2678
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q2678
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-KR)	0% (trừ KR)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	8	8%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	8	8%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	20	20%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
RCEP (Phụ lục B)	20	20%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	20	20%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	20	20%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	20	20%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	21,8	21,8%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	40	40%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E2665
ATIGA	2022	2022	0	AT!E2626
ATIGA	2023	2023	0	AT!F2626
ATIGA	2024	2024	0	AT!G2626
ATIGA	2025	2025	0	AT!H2626
ATIGA	2026	2026	0	AT!I2626
ATIGA	2027	2027	0	AT!J2626
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	3	AJ!E2664
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F2664

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G2664
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H2664
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I2664
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J2664
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	5	VJ!E2666
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	2.5	VJ!F2666
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G2666
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H2666
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I2666
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J2666
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F2668
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H2632
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F2628
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G2628
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H2628
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I2628
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J2628
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K2628
VKFTA	2022	2022	0	VK!E2628
VKFTA	2023	2023	0	VK!F2628
VKFTA	2024	2024	0	VK!G2628
VKFTA	2025	2025	0	VK!H2628
VKFTA	2026	2026	0	VK!I2628
VKFTA	2027	2027	0	VK!J2628
VCFTA	2022	2022	18	VC!D2675
VCFTA	2023	2023	15	VC!E2675

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	13	VC!F2675
VCFTA	2025	2025	10	VC!G2675
VCFTA	2026	2026	8	VC!H2675
VCFTA	2027	2027	5	VC!I2675
VN-EAEU	2022	2022	10,9	EAV!D2672
VN-EAEU	2023	2023	7,3	EAV!E2672
VN-EAEU	2024	2024	3,6	EAV!F2672
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G2672
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H2672
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I2672
AHKFTA	2022	2022	24	AKH!D2680
AHKFTA	2023	2023	16	AKH!E2680
AHKFTA	2024	2024	16	AKH!F2680
AHKFTA	2025	2025	8	AKH!G2680
AHKFTA	2026	2026	8	AKH!H2680
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I2680
EVFTA	2022	2022	25	EV-NK!D2651
EVFTA	2023	2023	20	EV-NK!E2651
EVFTA	2024	2024	15	EV-NK!F2651
EVFTA	2025	2025	10	EV-NK!G2651
EVFTA	2026	2026	5	EV-NK!H2651
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I2651
UKVFTA	2022	2022	25	UKV!D2653
UKVFTA	2023	2023	20	UKV!E2653
UKVFTA	2024	2024	15	UKV!F2653
UKVFTA	2025	2025	10	UKV!G2653

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	5	UKV!H2653
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I2653
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	13,3	CPTPP!D2647
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	6,6	CPTPP!E2647
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F2647
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G2647
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H2647
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I2647
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J2647
RCEP A	2022	2022	36	RCEPT-A!D2670
RCEP A	2023	2023	32	RCEPT-A!E2670
RCEP A	2024	2024	28	RCEPT-A!F2670
RCEP A	2025	2025	24	RCEPT-A!G2670
RCEP A	2026	2026	20	RCEPT-A!H2670
RCEP A	2027	2027	16	RCEPT-A!I2670
RCEP B	2022	2022	36	B!D2670
RCEP B	2023	2023	32	B!E2670
RCEP B	2024	2024	28	B!F2670
RCEP B	2025	2025	24	B!G2670
RCEP B	2026	2026	20	B!H2670
RCEP B	2027	2027	16	B!I2670
RCEP C	2022	2022	36	C!D2670
RCEP C	2023	2023	32	C!E2670
RCEP C	2024	2024	28	C!F2670
RCEP C	2025	2025	24	C!G2670
RCEP C	2026	2026	20	C!H2670

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	16	C!I2670
RCEP D	2022	2022	36,4	D!D2670
RCEP D	2023	2023	32,7	D!E2670
RCEP D	2024	2024	29,1	D!F2670
RCEP D	2025	2025	25,5	D!G2670
RCEP D	2026	2026	21,8	D!H2670
RCEP D	2027	2027	18,2	D!I2670
RCEP E	2022	2022	36	E!D2673
RCEP E	2023	2023	32	E!E2673
RCEP E	2024	2024	28	E!F2673
RCEP E	2025	2025	24	E!G2673
RCEP E	2026	2026	20	E!H2673
RCEP E	2027	2027	16	E!I2673
RCEP F	2022	2022	36	F!D2670
RCEP F	2023	2023	32	F!E2670
RCEP F	2024	2024	28	F!F2670
RCEP F	2025	2025	24	F!G2670
RCEP F	2026	2026	20	F!H2670
RCEP F	2027	2027	16	F!I2670
VIFTA	2024	2024	40	VI!F2492
VIFTA	2025	2025	40	VI!G2492
VIFTA	2026	2026	40	VI!H2492
VIFTA	2027	2027	40	VI!I2492

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	VIFTA 40%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (40%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 40%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 2104.20 có 4 dòng thuế; dòng 2104.20.19 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	2104.20.11 Phù hợp dùng cho trẻ sơ sinh hoặc trẻ nhỏ; 2104.20.91 Phù hợp dùng cho trẻ sơ sinh hoặc trẻ nhỏ (SEN); 2104.20.99 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 2104.20.19. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 40% của mã 2104.20.19 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N2678), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.